

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phát To

2. Bà Trần Thị Út

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: **Nguyễn Bích P**

Địa chỉ: **Ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

(Có mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: **Huỳnh Ngọc T**

Địa chỉ: **Ấp T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.** (vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2023, bản tự khai ngày 09/3/2023 nguyên đơn bà **Nguyễn Bích P** trình bày: Bà và ông **T** có mối quan hệ chị dâu em

chồng. Vào tháng 01 năm 2022 bà có giao cho ông Huỳnh Ngọc T nhiều lần với số tiền là 83.000.000 đồng (trong đó có 27.100.000 đồng tiền chuyển khoản) để cho người khác vay lại. Việc giao tiền này không có lập thành văn bản mà ông T viết biên nhận tiền ghi Danh Lập, biên nhận tiền của Nguyễn Thị T1, biên nhận tiền của Cung Thị Thúy A, biên nhận tiền của Lê Thành P1 và biên nhận tiền của Võ Văn N để chứng minh cho bà biết là ông T có cho người khác vay tiền của bà. Ngoài ra trong giấy đặt cọc anh T có nhận 13.000.000 đồng có anh T ký nhận. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền là 83.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện ngày 09/3/2023, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Huỳnh Ngọc T.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2023: Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P. Anh không có nhận của bà P số tiền là 83.000.000 đồng như bà P trình bày. Anh chỉ có nhận số tiền chuyển khoản là 27.100.000 đồng và đồng ý trả cho bà P số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Đối với bị đơn anh Huỳnh Ngọc T được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền là 83.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 09/3/2023 mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2023 nguyên đơn bà Nguyễn Bích P khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ

trả cho bà số tiền là 83.000.000 đồng và tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày 09/3/2023. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về quan hệ hợp đồng vay tài sản được Bộ luật dân sự điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do anh **Huỳnh Ngọc T** là người bị kiện (bị đơn) có địa chỉ cư trú tại **huyện C, tỉnh Hậu Giang** nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh **Huỳnh Ngọc T** đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật triệu tập anh **T** đến Tòa án để thu thập chứng cứ của vụ án nhưng không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có cung cấp chứng cứ chứng minh sự vắng mặt của anh là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt anh **T**. Tại phiên tòa bà **P** có cung cấp chứng cứ đoạn ghi âm giọng nói của anh **Huỳnh Ngọc T** có liên quan đến vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét đây là chứng cứ và đã công bố tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Bích P** Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà **Nguyễn Bích P** và anh **Huỳnh Ngọc T** có giao kết hợp đồng vay tài sản thể hiện tại các phiếu chuyển tiền và tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2023. Theo giấy chuyển khoản giữa bà **P** chuyển cho anh **T** ngày 05/01/2023 và ngày 09/01/2023 với tổng số tiền là 27.100.000 đồng, được anh **T** thừa nhận. Tại đoạn ghi âm ngày 05/6/2023 bà **P** cung cấp tại phiên tòa tại phút thứ 1:36 giây xác định anh **T2** còn nợ bà số tiền là hơn 80.000.000 đồng phù hợp với nội dung khởi kiện của bà **P**. Anh **T** cho rằng anh chỉ vay của bà **P** số tiền là 27.100.000 đồng, không có vay số tiền 83.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh **T2** nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do chính đáng nên không đối chất đoạn ghi âm của anh **T** xem như anh đã từ bỏ việc cung cấp chứng cứ chứng minh anh không có vay số tiền 83.000.000 đồng của bà **P**. Do đó có căn cứ buộc anh **Huỳnh Ngọc T** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Bích P** số tiền là 83.000.000 đồng và tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày 09/3/2023 cho đến khi trả hết nợ cho bà **P**.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P được chấp nhận nên anh Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên giá trị tài sản tranh chấp. Cụ thể:  $5\% \times 83.000.000 \text{ đồng} = 4.150.000 \text{ đồng}$ .

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí phía bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 164, Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích P.

1. Buộc anh Huỳnh Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Bích P số tiền là 83.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày 09/3/2023 đến khi anh T trả hết nợ cho bà P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí là 4.150.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Đua**